

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HS-ST
Ngày 18-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Liễu Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hợp;

Ông Tô Đức Lộc.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Vi Thế Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vương Hải H1, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 06 tháng 7 năm 1987 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N1, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn S1 (đã chết) và bà Hứa Thị L1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến nay. Có mặt.

2. Lưu Văn Đ1, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 11 tháng 9 năm 1977 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N1, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T2 và bà Vi Thị S2; có vợ là Lưu Thị S3 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa

bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vương Hải H1:* Ông Hoàng N2, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn Đ1:* Ông Vũ Văn Đ2, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Lưu Thị S3, sinh năm 1977. Có mặt.

2. Bà Hứa Thị L1, sinh năm 1950. Có mặt.

3. Anh Vương Minh H2, sinh năm 1989. Có mặt.

Đều cư trú tại: Thôn N1, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nông Hồng N3. Vắng mặt.

2. Chị Nông Thị T3. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Nguyễn Văn K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/5/2020, Nông Hồng N3 gọi điện thoại đặt vấn đề nhờ Vương Hải H1 đưa Nông Hồng N3 và em gái là Nông Thị T3 cùng con trai của Nông Thị T3 là Lưu Mục H3 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, vì Nông Thị T3 lấy chồng người Trung Quốc muốn sang đoàn tụ cùng chồng, còn Nông Hồng N3 muốn sang Trung Quốc làm thuê. Vương Hải H1 đồng ý. Hai bên thỏa thuận tiền công đưa cả ba người sang Trung Quốc là 1000CNY (một nghìn nhân dân tệ) tiền Trung Quốc tương đương khoảng 3.252.000 (ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn) đồng tiền Việt Nam, sau khi xuất cảnh trót lọt sẽ thanh toán tiền công.

Do có ba người muốn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, bản thân Vương Hải H1 không thể chở cả ba người được nên khoảng 15 giờ ngày 29/5/2020 Vương Hải H1 đã trao đổi với Lưu Văn Đ1, bảo Lưu Văn Đ1 cùng Vương Hải H1 đi đón Nông Hồng N3, Nông Thị T3 và con của Nông Thị T3 ở thôn P, xã T4, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn qua Mốc 1062 và hứa sẽ trả cho Lưu Văn Đ1 200CNY (hai trăm nhân dân tệ) tiền Trung Quốc tương đương khoảng 650.400 (sáu trăm năm mươi nghìn bốn trăm) đồng tiền Việt Nam, Lưu Văn Đ1 đồng ý, Vương Hải H1 dặn khi nào đi sẽ gọi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày 29/5/2020, Vương Hải H1 gọi điện thoại cho Lưu Văn Đ1; Lưu Văn Đ1 lấy xe mô tô nhãn hiệu

HONDA FUTURE, biển kiểm soát 12V1 - 018.** đi sang nhà Vương Hải H1; Vương Hải H1 lấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, biển kiểm soát 12V1 - 042.** rồi cùng nhau đến nhà Nông Hồng N3; Lưu Văn Đ1 chở Nông Thị T3 và con của Nông Thị T3, còn Vương Hải H1 chở Nông Hồng N3, khi đi đến thôn N1, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào khoảng 18 giờ. Do đường mòn lên Mốc 1062 không đi xe máy được, nên Vương Hải H1 và Lưu Văn Đ1 để xe máy cạnh đường thuộc thôn N1 rồi cả hai đưa Nông Hồng N3, Nông Thị T3 và con của Nông Thị T3 đi bộ theo đường mòn. Vương Hải H1 đi trước dẫn đường, còn Lưu Văn Đ1, Nông Hồng N3 và Nông Thị T3 (bé con) đi theo sau; trên đường đi do mệt nên Nông Thị T3 đã đưa con cho Lưu Văn Đ1 bế; vào khoảng 19 giờ 20 phút, đi đến khu vực Mốc 1062, cách biên giới Việt Nam - Trung Quốc khoảng 50m gặp lực lượng bộ đội Biên phòng đi tuần tra, Vương Hải H1 đi trước phát hiện nên bỏ chạy. Bộ đội Biên phòng đã đưa Lưu Văn Đ1, Nông Hồng N3, Nông Thị T3 và con của Nông Thị T3 là Lưu Mục H3 về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lập biên bản theo quy định. Lưu Văn Đ1 khai đang trên đường tổ chức cho Nông Hồng N3, Nông Thị T3 và con của Nông Thị T3 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Trên cơ sở lời khai của Lưu Văn Đ1 và những người liên quan, Đoàn biên phòng N4 - Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành bắt giữ Vương Hải H1.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Lưu Văn Đ1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng bên trong gắn 02 (hai) sim Viettel; 01 (một) xe mô tô HONDA FUTURE biển kiểm soát 12V1 - 018.**.

Tạm giữ của Vương Hải H1: 01 (một) xe mô tô HONDA WAVE biển kiểm soát 12V1 - 042.**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, đã qua sử dụng, bên trong gắn 01 (một) sim Viettel.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKS-P2 ngày 19/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Vương Hải H1 và Lưu Văn Đ1 ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để xét xử về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Ngày 19/8/2020, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định số 31/QĐ-VKS-P2 phân công Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; các bị cáo thừa nhận hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật.

Chị Lưu Thị S3 trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12V1 - 018.** là tài sản riêng của chị, chị không biết Lưu Văn Đ1 mang xe đi chở người để xuất cảnh trái phép. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho chị và chị không có yêu cầu gì.

Bà Hứa Thị L1 trình bày: Chiếc xe mô tô 12V1 - 024.** là xe của gia đình, bà và Vương Hải H1 cùng bỏ tiền ra mua, chiếc xe này hàng ngày do con

traí bà là Vương Minh H2 sử dụng, bà không biết Vương Hải H1 mang xe đi chở người để xuất cảnh trái phép. Bà đề nghị cho bà xin lại chiếc xe mô tô để gia đình có phương tiện đi lại.

Anh Vương Minh H2 trình bày: Chiếc xe mô tô 12V1 – 024.** là xe của gia đình, do mẹ là bà Hứa Thị L1 và anh trai là Vương Hải H1 cùng bỏ tiền ra mua, chiếc xe này hàng ngày anh sử dụng và anh không biết Vương Hải H1 mang xe đi chở người để xuất cảnh trái phép. Anh đề nghị cho mẹ anh xin lại chiếc xe mô tô để gia đình có phương tiện đi lại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Vương Hải H1 và Lưu Văn Đ1 phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; áp dụng khoản 1 Điều 348, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vương Hải H1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam; xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 (hai) chiếc điện thoại di động và tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe mô tô HONDA WAVE biển kiểm soát 12V1 – 042.**. Trả lại cho bà Hứa Thị L1 1/2 giá trị chiếc xe mô tô HONDA WAVE biển kiểm soát 12V1 – 042.**.

Người bào chữa cho bị cáo Vương Hải H1: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và xử lý vật chứng. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo mức án phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn Đ1: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và xử lý vật chứng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tội phạm chưa gây thiệt hại; có ông nội là ông Lưu Mìn L2 là người hoạt động cách mạng trước năm 1945. Đề nghị áp dụng thêm điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ1 mức án 01 năm tù.

Bị cáo Vương Hải H1, anh Vương Minh H2 và bà Hứa Thị L1 đều đề nghị cho bà Hứa Thị L1 xin lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12V1 – 042.**.

Đại diện Viện Kiểm sát không nhất trí với quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng thêm điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo Lưu Văn Đ1 vì không có căn cứ. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12V1 – 042.**, bị cáo Vương Hải H1 là đồng sở hữu và đã sử dụng xe vào việc phạm tội nên không nhất trí trả lại toàn bộ chiếc xe.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo rất hối hận và xin được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người bào chữa cho các bị cáo đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 29/5/2020, tổ công tác của Đồn Biên phòng N4 và Phòng Trinh sát Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn khi đang làm nhiệm vụ tại khu vực Mốc 1062, cách biên giới Việt Nam – Trung Quốc khoảng 50m về phía Việt Nam, thuộc thôn N1, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã phát hiện bắt quả tang Vương Hải H1 và Lưu Văn Đ1 có hành vi tổ chức cho Nông Hồng N3, Nông Thị T3 và con trai của Nông Thị T3 là Lưu Mục H3 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với mục đích thu lợi bất chính 1000CNY (một nghìn nhân dân tệ) tiền Trung Quốc tương đương khoảng 3.252.000 (ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn) đồng tiền Việt Nam. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến...; phù hợp với vật chứng đã thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đã có hành vi sắp xếp, bố trí, đón đưa 03 (ba) người từ Việt Nam ra nước ngoài mà không được sự cho phép, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, với mục đích vụ lợi. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Vương Hải H1 và bị cáo Lưu Văn Đ1 đã phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý xuất, nhập cảnh của Nhà nước và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên vẫn cố ý thực hiện.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm. Bị cáo Vương Hải H1 có vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp liên lạc, trao đổi, thỏa thuận, sắp xếp việc đưa người xuất cảnh trái phép. Bản thân bị cáo đi trước dẫn đường, khi phát hiện có cơ quan chức năng kiểm tra bị cáo đã bỏ chạy. Bị cáo Lưu Văn Đ1 là người giúp sức tích cực cho bị cáo Vương Hải H1 trong việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; khi được Vương Hải H1 trao đổi, thỏa thuận, đề nghị chở người đưa đi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; Lưu Văn Đ1 đã đồng ý. Vương Hải H1 và Lưu

Văn Đ1 đã có hành vi dùng xe máy chở Nông Hồng N3, Nông Thị T3 và con của Nông Thị T3 đến khu vực Mốc 1062 để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, việc xuất cảnh không thực hiện được là do các lực lượng chức năng phát hiện và ngăn chặn, việc này nằm ngoài ý muốn của các bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[8] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy các bị cáo thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Lưu Văn Đ1 có đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, tuy nhiên đây là tài sản chung của gia đình bị cáo gồm năm người, bố, mẹ và vợ của bị cáo đều làm ruộng. Bị cáo Vương Hải H1 có tài sản là xe máy nhưng tài sản đó đã bị xử lý trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 02 (hai) chiếc điện thoại di động dùng vào việc phạm tội. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12V1 – 042.** là tài sản chung của bị cáo Vương Hải H1 và bà Hứa Thị L1 (mẹ bị cáo Vương Hải H1); bà Hứa Thị L1 không biết bị cáo Vương Hải H1 sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội nên chỉ tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe, còn lại 1/2 giá trị chiếc xe sẽ được trả lại cho bà Hứa Thị L1. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12V1 - 018.**; quá trình điều tra xác định là tài sản riêng của chị Lưu Thị S3, chị Lưu Thị S3 không biết bị cáo Lưu Văn Đ1 sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị Lưu Thị S3 là phù hợp với quy định.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn và người bào chữa cho bị cáo Vương Hải H1 về tội danh, hình phạt và xử lý vật chứng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn Đ1 đề nghị áp dụng thêm điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ1 mức án 01 năm tù; xét thấy, tội phạm được ngăn chặn lo do sự phát

hiện kịp thời của cơ quan chức năng, ông Lưu Mìn L2 là ông nội của bị cáo Lưu Văn Đ1, hiện nay bố mẹ bị cáo đang thờ cúng, bị cáo đã ở riêng, không phải tình tiết giảm nhẹ theo quy định; do đó, không có căn cứ chấp nhận.

[12] Các bị cáo là người bị kết án, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vương Hải H1, Lưu Văn Đ1 phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vương Hải H1 02 (hai) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/5/2020.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/5/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có 01 (một) sim Viettel, của bị cáo Vương Hải H1.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có 02 (hai) sim Viettel, của bị cáo Lưu Văn Đ1.

- Tịch thu 50% giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng – bạc – đen; số máy HC12E518808*; số khung 1212DY18801*; biển số đăng ký 12V1 – 042.** (kèm theo chìa khóa xe).

3.2. Trả lại cho bà Hứa Thị L1: 50% giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng – bạc – đen; số máy HC12E518808*; số khung 1212DY18801*; biển số đăng ký 12V1 – 042.** (kèm theo chìa khóa xe).

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/8/2020).

4. Về án phí: Các bị cáo Vương Hải H1, Lưu Văn Đ1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- CQ ANĐT Công an T. Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA H. V, T. Lạng Sơn;
- Trại giam Y, Công an T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. V, T. Lạng Sơn;
- Các bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến VA;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

(Đã ký)

Liều Thị Hạnh